

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Khung chương trình đào tạo Sư phạm Toán học theo định hướng
chất lượng cao, trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

Luật
ngữ



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Sư phạm Toán học theo định hướng chất lượng cao, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Sư phạm Toán học theo định hướng chất lượng cao, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trường phòng Phòng Đào tạo, các Trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Ngân*

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (02).



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K59

Tên chương trình: Sư phạm Toán học theo định hướng chất lượng cao

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Toán học

Mã ngành: 7140209

(Ban hành theo Quyết định số: 2254 /QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		26								
1	59SPH131A	Triết học Mác – Lênin	3	32	10	6	10				1
2	59SPE121A	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131A	2
3	59SSO121A	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121A	3
4	59HCM121A	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121A	4
5	59HPV121A	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121A	5
6	59EDL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				6
7	59ENG131A	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
8	59ENG132A	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	2
9	59ENG143A	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	3
10	59GIF131A	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				3
11	59PHE111A	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					2
12	59PHE112A	Giáo dục thể chất 2	2	4		36					1
13	59PHE113A	Giáo dục thể chất 3	2	4		36					3
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		59								
2.1	Kiến thức cơ sở		19								
15	59SLN231A	Tập hợp, logic và hệ thống số	3	30	20		10				1
16	59LIA231A	Đại số tuyến tính 1	3	30	20		10				2

myz *Uaut*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
17	59ANM231A	Giải tích 1	3	30	20		10				1
18	59ANM232A	Giải tích 2	3	30	20		10			59ANM231A	2
19	59MOA231A	Đại số hiện đại 1	3	30	20		10			59SLN231A	2
20	59PRS241A	Xác suất thống kê	4	40	20		20			59ANM231A	5
2.2	Kiến thức ngành		40								
Các học phần bắt buộc			16								
21	59ANM333A	Giải tích 3	3	30	20		10			59ANM232A	3
22	59LIA332A	Đại số tuyến tính 2	3	30	20		10			59LIA231A	3
23	59MOA332A	Đại số hiện đại 2	3	30	20		10			59MOA231A	3
24	59LIG331A	Hình học tuyến tính	3	30	20		10			59LIA332A	4
25	59EFM341A	Tiếng Anh chuyên ngành Toán	4	30	20		10				1
Các học phần tự chọn			24								
26	59DIF331A	Phương trình vi phân	3	30	20		10			59ANM333A	5
27	59RAP331A	Quá trình ngẫu nhiên	3	30	20		10			59PRS241A	5
28	59NUM331A	Lý thuyết số	3	30	20		10			59SLN231A	5
29	59ARM331A	Số học	3	30	20		10			59SLN231A	5
30	59GAT331A	Lý thuyết Galois và ứng dụng	3	30	20		10			59MOA332A	7
31	59FIT331A	Lý thuyết trường và ứng dụng	3	30	20		10			59MOA332A	7
32	59COA331A	Giải tích phức	3	30	20		10			59ANM333A	4
33	59STT331A	Lý thuyết ổn định	3	30	20		10			59ANM232A	4
34	59MIT331A	Lý thuyết độ đo và tích phân	3	30	20		10			59ANM333A	6
35	59COG331A	Lý thuyết tổ hợp và đồ thị	3	30	20		10			59SLN231A	4
36	59MOT331A	Lý thuyết mô đun	3	30	20		10			59MOA332A	4
37	59NAP331A	Giải tích số và quy hoạch tuyến tính	3	30	20		10			59ANM231A	6
38	59SDA331A	Phân tích dữ liệu thống kê	3	30	20		10			59PRS241A	6
39	59DIG331A	Hình học vi phân	3	30	20		10			59LIG331A	7
40	59PRG331A	Hình học xạ ảnh	3	30	20		10			59LIG331A	7

mp *Uant*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
41	59FUA331A	Giải tích hàm	3	30	20		10			59ANM333A	7
42	59CAN331A	Giải tích lỗi	3	30	20		10			59ANM333A	7
43	59IAT331A	Nhập môn tôpô đại số	3	30	20		10				7
III	Kiến thức nghiệp vụ		39								
Các học phần bắt buộc			30								
44	59EPS431A	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				2
45	59PEP431A	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431A	4
46	59COS431A	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59PEP431A	5
47	59DIM441A	Lý luận dạy học môn toán	4	40	20		8	12		59EPS431A	4
48	59TGO441A	Dạy học hình học	4	40	20		8	12		59DIM441A	7
49	59TGA431A	Dạy học đại số 1	3	30	15		6	9		59DIM441A	6
50	59PRA431A	Thực hành sư phạm 1	3	30	20	2	8			59DIM441A	6
51	59PRA422A	Thực hành sư phạm 2	2			60				59PRA431A	7
52	59TRA421A	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở trường phổ thông						59PEP431A	5
53	59TRA432A	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở trường phổ thông					59TRA421A		8
Các học phần tự chọn			9								
54	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				6
55	59ITM431A	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Toán	3	20	10	30	10			59GIF131A	6
56	59TGA432A	Dạy học đại số 2	3	30	20	2	8			59TGA431A	7
57	59DEM431A	Phát triển chương trình giáo dục ở trường phổ thông	3	30	20		10			59DIM441A	7
58	59TME431A	Dạy Toán bằng Tiếng Anh	3	20	10	30	10			59ENG132A	7
59	59MIR431A	Toán học trong thực tiễn	3	30	20		10			59DIM441A59PRA431A	7

mpc *Uant*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
60	59HIM431A	Lịch sử Toán	3	30	20		10			59DIM441A	6
61	59APM431A	Đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh	3	30	20		10			59DIM441A	7
IV	Khóa luận tốt nghiệp		6								
62	59MAT904	Khóa luận tốt nghiệp	6								
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			6								
63	59FUE931A	Phương trình hàm	3	30	20		10			59ANM333A	8
64	59MME931A	Mô hình toán kinh tế	3	30	20		10			59PRS241A	8
65	59TGG931A	Hình học của nhóm các phép biến hình	3	30	20		10			59TGO441A	8
66	59SET931	Giáo dục STEM	3	30	10	10	10			59DIM441A	8
67	59ANG931A	Hình học giải tích	3	30	20		10			59LIG331A	8
68	59POA931A	Đa thức và ứng dụng	3	30	20		10			59MOA332A	8
Tổng cộng			130								

Ghi chú: Tổng số 130 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

thao *ng*